

# Hãy thử sử dụng phương pháp Rubric trong việc đánh giá bài viết của học viên nhé!

[Truy cập bản gốc tiếng Nhật ở đây](#)

Các Quý thầy cô thường đánh giá và đưa phản hồi về các bài viết của học viên như thế nào? Có rất nhiều phương pháp như là “Sửa lỗi bằng bút đỏ”, “Chỉ ra lỗi ngữ pháp từ vựng để trừ điểm”, “Sau khi đọc xong bài viết thì tự phán đoán để chấm điểm ABC”, “Lên sẵn barem điểm và dựa theo đó để chấm điểm”, v.v.. được áp dụng. Tuy nhiên, cho dù sử dụng phương pháp nào đi nữa, “có tính công bằng” và “có độ tin cậy cao” là điều kiện tiên quyết cần được đảm bảo. Xin được giới thiệu tới về phương pháp Rubric và cách sử dụng phiếu đánh giá Rubric<sup>1</sup> trong chuyên mục tháng này nhằm giúp các Quý thầy cô có thêm phương pháp mới giúp đánh giá bài viết của học viên một cách hiệu quả và tiện lợi.

## Rubric là gì?

**Rubric** là một công cụ đánh giá theo dạng bảng hệ thống chia một chủ đề cần đánh giá thành nhiều thành phần và giải thích chi tiết về mức độ đáp ứng từng tiêu chí cho mỗi thành phần trong đó (theo Dannelle Stevens công bố tháng 2/2014, hình bên phải). Rubric được sử dụng để

		✓	
			✓
		✓	
	✓		

đánh giá hiệu suất của các bài phát biểu, báo cáo, dự án, các lớp học mẫu, v.v.. Trong “[Sách hướng dẫn cho người dùng dựa trên Tiêu chuẩn giáo dục tiếng Nhật JF \(bản mới\)](#)” (năm 2023) có giải thích chi tiết về cách tự thiết kế Rubric nhưng đối với người mới sử dụng, thực hiện việc này tương đối phức tạp và tốn nhiều công sức. Vậy nên số tạp chí lần này sẽ giới thiệu các ví dụ về phương pháp Rubric đã tùy chỉnh một chút cho phù hợp và dễ hiểu. Các ví dụ này được lấy từ [nguồn tài nguyên dành cho giáo viên](#) trên [website Marugoto](#) - website chính thức của bộ sách giáo khoa "Marugoto: Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản" dựa trên Tiêu chuẩn Giáo dục Tiếng Nhật của JF. Trong các nguồn tài nguyên dành cho giáo viên trình độ Trung cấp 1 và 2 có tài liệu với tên gọi “[Bảng đánh giá mẫu cho phần thi nói và thi viết](#)”. Tài liệu này bao gồm các ví dụ về ba đề mục “Kiểm tra miệng (hội thoại)”, “Kiểm tra miệng (nói về một chủ đề)

và “Kiểm tra viết” được đăng tải; các giáo viên có thể sử dụng bằng cách viết lại hoặc dịch lại cho phù hợp với lớp học của mình. Đầu tiên, hãy cùng phân tích kỹ hơn về kết cấu của Rubric theo ví dụ về “Bảng đánh giá mẫu bài kiểm tra viết” như sau:

### Ví dụ về Bảng đánh giá một bài kiểm tra viết của “Marugoto”

#### ③ 作文テストの評価例 3. Bảng đánh giá mẫu bài kiểm tra viết

	Cố gắng lên nhé がんばって	Thêm một chút nữa thôi もう少し	Đạt được rồi! できた	Tuyệt vời すばらしい
<b>タスク達成</b> Đánh giá tổng thể Mức độ hoàn thành nhiệm vụ	Có thể viết được văn đơn giản nhưng không phù hợp với câu nội dung của nhiệm vụ được yêu cầu.	Có thể viết được đúng nội dung nhiệm vụ được yêu cầu tuy nhiên thông tin không đầy đủ, các ý trong bài sắp xếp không tốt.	Có khả năng viết các câu văn có tính liên kết các thông tin cần thiết, đưa được kinh nghiệm và nhận xét cụ thể liên quan đến nội dung nhiệm vụ được yêu cầu vào trong bài.	Có khả năng viết câu văn có tính liên kết, chứa đựng thông tin chi tiết và kinh nghiệm cụ thể, đưa ra nhận xét dễ hiểu về nội dung của nhiệm vụ được yêu cầu.
<b>構成</b> Kết cấu bài viết	Kết cấu rời rạc, thiếu kết nối, triển khai ý và tính liên kết giữa các câu văn không tốt.	Một số ý khó hiểu và tính liên kết giữa các câu văn chưa tốt.	Triển khai ý và tính liên kết giữa các câu văn được điều chỉnh tốt, kết cấu bài tương đối dễ hiểu.	Kết cấu bài viết rõ ràng giúp người đọc hiểu được các ý và sự liên kết giữa các câu trong bài.
<b>文法・語彙・表記</b> (仮名遣いや漢字) Ngữ pháp, từ vựng, chữ viết (cách sử dụng Hiragana và chữ Hán)	Có nhiều lỗi ngữ pháp, từ vựng, chữ viết; nội dung khó hiểu.	Có một số phần khó hiểu do lỗi ngữ pháp, từ vựng, , chữ viết.	Có một số lỗi ngữ pháp, từ vựng, chữ viết nhưng vẫn hiểu được nội dung bài viết.	Gần như không có lỗi ngữ pháp, từ vựng hay chữ viết.

Đầu tiên là trục ngang. Khi đọc theo trục ngang từ trái qua phải bảng đánh giá sẽ thấy các “**Thang đo**” được sắp xếp theo thứ tự tăng dần về khả năng ngôn ngữ. Thang đo này thường được chia làm 4 mức độ, nhưng cũng có thể chia đại khái làm 3 mức hoặc chia chi tiết hơn thành 5 mức. Mỗi mức thang đo nên được miêu tả dễ hiểu với học viên và dùng các từ ngữ

tích cực chẳng hạn như “がんばって” (Cố gắng lên nhé) / “もう少し” (Thêm một chút nữa thôi) / “できた” (Đạt được rồi!) / “すばらしい” (Tuyệt vời), hay là “あと少しで達成” (Gần đạt được rồi) / “達成” (Đạt chuẩn) / “十分に達成” (Vượt mức đạt chuẩn). Hoặc cũng có thể kết hợp cả từ và số để chia mức độ một cách chi tiết, ví dụ như “がんばって (1/2/3)”.

Tiếp theo là trực đọc. Trực đọc được tạo thành dựa trên “**Quan điểm đánh giá**” được chia làm hai phần “Đánh giá tổng thể” và “Đánh giá phân tích”. Các ô màu xanh nhạt ở hàng thứ 2 trong bảng là phần “Đánh giá tổng thể”, dùng để đánh giá **mức độ hoàn thành nhiệm vụ**, chẳng hạn như **bài luận được viết tốt ở mức độ nào và thông điệp có được truyền tải trọn vẹn hay không**. Các ô không tô màu từ hàng thứ 3 là “Đánh giá phân tích”, dùng cho việc đánh giá chất lượng và số lượng kiến thức của học viên bằng cách chia ngôn ngữ thành các thành phần để tiện cho việc đánh giá được gọi là “Quan điểm đánh giá”, ví dụ như “kết cấu bài viết” hay “ngữ pháp, từ vựng, chữ viết”. Nếu “Quan điểm đánh giá” được viết quá tỉ mỉ thì việc “Đánh giá chi tiết” sẽ rất mất thời gian. Cần đảm bảo số lượng “Quan điểm” phù hợp với mục tiêu đánh giá, có thể gộp chung các “Quan điểm đánh giá” thành một dòng hoặc loại bỏ bớt các “Quan điểm” phụ. Nếu giáo viên thấy cần thiết, “Quan điểm đánh giá” có thể được tùy chỉnh để đảm bảo các tiêu chí được viết ra cũng bao gồm yếu tố Phi ngôn ngữ, chẳng hạn như “Nhận thức về người đọc”, “Động lực và Thái độ”, “Khả năng làm việc nhóm”, “Năng lực tìm kiếm thông tin”, v.v..

Mỗi cột của Rubric đều viết các “**Tiêu chuẩn đánh giá**” giải thích cụ thể việc “Đã thực hiện được” hay “Chưa thực hiện được”. Trong ví dụ ở trên, có 3 (quan điểm đánh giá) x 4 (thang đo) = 12 “tiêu chuẩn đánh giá”. Khi tạo Rubric này, thang đo “できた” (Đạt được rồi!) được lấy làm mốc đánh giá. Ngoài ra, các tiêu chuẩn trong bảng ví dụ trên được viết bằng tiếng Nhật nhưng để đảm bảo học viên có thể lí giải được, các Quý thầy cô có thể tạo Rubric của riêng mình bằng tiếng Việt.

## Viết lại Rubric theo ý mình

Khi chuẩn bị một giờ học, các giáo viên thường hay vừa nhìn vào sách giáo khoa vừa tự hỏi “Mục tiêu của giờ học là gì?”, “Nên có hoạt động thế nào?”, “Phần nào học viên vẫn còn chưa nắm được?”, “Cần bao nhiêu thời gian cho phần này?”. Khi chuẩn bị cho giờ học, bảng đánh

giá Rubric được lập ra để phản ánh mục tiêu và nội dung của buổi học. Sau đó, vào cuối giờ, giáo viên có thể đánh giá học viên bằng cách sử dụng Rubric mà mình đã thiết kế; điều này sẽ cho phép giáo viên xác định được mức độ hiểu bài của học viên và đảm bảo tính nhất quán trong mục tiêu, hướng dẫn và đánh giá về mỗi học viên.

Tiếp theo là phần giải thích cách viết lại Rubric ở bên trên thông qua một giờ học tương tượng sử dụng phần 5 “Viết cảm nghĩ về phim” thuộc chủ đề 7 “Bộ phim yêu thích” nằm trong giáo trình Marugoto Trung cấp 2 (B1).

Mục tiêu	Có thể viết suy nghĩ và nhận xét về một bộ phim mới xem gần đây. (Tiêu chuẩn Giáo dục tiếng Nhật JF B1)
Đối tượng học viên	Người trưởng thành
Số lượng học viên	Khoảng 10 người
Giáo trình sử dụng	“Marugoto” Trung cấp 2 (B1) Chủ đề 7 “Bộ phim yêu thích”, phần 5 “Viết cảm nghĩ về phim”
Lưu ý	Yêu cầu học viên viết một bài đánh giá phim khiến người đọc muốn xem phim và đồng thời xác nhận lại tầm quan trọng của việc nhận thức về đối tượng người đọc.  Yêu cầu học viên đọc bài viết của nhau rồi đánh giá và chọn ra các bài viết thú vị.



## PART 5 映画レビューを投稿

書 <

Can-do 35 最近見た映画について、自分の感想やコメントをレビューサイトなどに書くことができる。

### 1 日本の映画レビューサイトにレビューを投稿してみましょう。

(1) 見たことがある映画を一つ選びましょう。その映画の好きのところやよかったところ、よくなかったところはどこですか。メモしましょう。日本の映画でも、自分の国の映画でも、何でもいいです。

- (例) (+) 主役の二人がよかった…蒼井優の笑顔がすてき  
 (+) 最後のフラダンスのシーンが感動的  
 (+) 古い時代の日本がわかってよかった  
 (-) 方言が難しくて、聞き取りにくかった

(2) 映画レビューサイトに、映画のレビューを書きましょう。まず、言いたいことがうまく伝わる「レビュータイトル」を考えてください。次に、「総合評価」と「印象」をチェックしてから、(1)でメモした内容を使って、「レビュー本文」を書きましょう。

作品名	<input type="text"/>
レビュータイトル	<input type="text"/>
総合評価	★ ★ ★ ★ ★ マークを適切なところでクリックしてください。
印象	<input type="checkbox"/> 泣ける <input type="checkbox"/> 笑える <input type="checkbox"/> 感動する <input type="checkbox"/> ロマンチック <input type="checkbox"/> 楽しい <input type="checkbox"/> 怖い <input type="checkbox"/> 興奮する <input type="checkbox"/> 考えさせられる
本文	<input type="text"/>
ネタバレ	<input type="checkbox"/> ネタバレあり

2ほかの人のレビューを読んで、おもしろそうな映画を探してみましょう。同じ映画について書いた人がいたら、そのレビューを比べてみましょう。

Can-do をチェックしましょう

165

## Giáo trình Marugoto Trung cấp 2 (B1)

### Chủ đề 7 “Bộ phim yêu thích”, phần 5 “Viết cảm nghĩ về phim”

Rubric được tạo theo thứ tự sau: (1) Quyết định thang đo và quan điểm đánh giá, (2) Viết “tiêu chuẩn đánh giá”, (3) Kiểm tra tổng thể. Hãy cùng tận dụng ví dụ ở website Marugoto để tự thiết kế Rubric đánh giá một bài viết cảm nghĩ về một bộ phim nào!

## 1. Quyết định thang đo và quan điểm đánh giá

Đầu tiên, cần quyết định thang đo tổng quát. Thang đo là để xác định trình độ đạt được của một bài viết bằng cách sử dụng Rubric cùng 4 thang đo giống như trong ví dụ ở phía trên: “がんばって” (Cố gắng lên nhé) / “もう少し” (Thêm một chút nữa thôi) / “できた” (Đạt được rồi!) / “素晴らしい”(Tuyệt vời). Tuy nhiên, hãy thử chia ra chi tiết hơn nữa bằng cách chia mỗi thang đo thành 3 mức độ (1), (2) và (3). Cùng là “できた” (Đạt được rồi!) nhưng khi chia thành 3 mức độ, mức độ (1) sẽ được hiểu là bài viết được đánh giá gần với mức “もう少し” (Thêm một chút nữa thôi), còn mức độ (3) thì được hiểu là gần đến mức “素晴らしい” (Tuyệt vời). Cách làm này sẽ giúp giáo viên diễn tả một cách chi tiết mức độ đạt được trong một “tiêu chuẩn đánh giá”.

Đối với “Đánh giá phân tích”, vì đây là nhiệm vụ đánh giá về một bộ phim nên ngoài hai quan điểm đánh giá cơ bản là “cấu trúc bài viết” và “ngữ pháp, từ vựng, chữ viết” sẽ có thêm cả “Nhận thức về người đọc”. “Nhận thức về người đọc” thường phụ thuộc vào thể loại văn, nhưng trong trường hợp này có thể hiểu quan điểm này là “bài viết khiến người đọc cảm thấy đồng cảm” và “bài viết thể hiện được niềm đam mê của người viết về bộ phim mà qua đó người đọc cảm thấy bộ phim này vô cùng đáng xem”.

Khác với “Đánh giá tổng thể”, thang đo “Đánh giá phân tích” không thay đổi gì nhiều và giới hạn ở 4 mức : “がんばって” (Cố gắng lên nhé) / “もう少し” (Thêm một chút nữa thôi) / “できた” (Đạt được rồi!) / “素晴らしい”(Tuyệt vời).

		Cố gắng lên nhé がんばって	Thêm một chút nữa thôi もう少し	Đạt được rồi! できた	Tuyệt vời すばらしい
		1 2 3	1 2 3	1 2 3	1 2 3
Mức độ hoàn thành nhiệm vụ	タスク 達成				
		Cố gắng lên nhé がんばって	Thêm một chút nữa thôi もう少し	Đạt được rồi! できた	Tuyệt vời すばらしい
	Kết cấu bài viết 構成				
Ngữ pháp, từ vựng, chữ cái (Kana và Hán tự)	文法・語彙・ 表記 (仮名遣い や漢字)				
Nhận thức	読み手意識 về người đọc				

### Khung Rubric cho nhiệm vụ “Viết cảm nghĩ về phim”

## 2. Viết “tiêu chuẩn đánh giá”

Sau khi tạo khung Rubric, hãy viết ra các “tiêu chuẩn đánh giá”, bắt đầu với cột “できた” (Đạt được rồi!). Ví dụ về Rubric ở phía trên sẽ được sử dụng nhiều tại đây, tuy nhiên chúng tôi cũng sẽ điều chỉnh lại bằng việc thêm các nội dung đã được dạy trong giờ học để phù hợp với nhiệm vụ viết cảm nghĩ về phim.

Trong giáo trình Marugoto có các hoạt động như “a. Gắn một tiêu đề có thể dễ dàng truyền đạt điều mình muốn nói cho phần cảm nhận được viết” và “b. Nghĩ về điểm tốt/ điểm chưa tốt và điểm mà mình thích”. Để có thể xác định được bài viết có đạt hay không, hai yếu tố trên cũng sẽ được đưa vào “tiêu chuẩn đánh giá”. Trong một bài viết, “độ dài” cũng là một yếu tố cần chú trọng. Nếu nhìn vào mẫu giấy làm bài viết sẽ thấy dòng “c. Trình bày trong 2000 chữ”. Tuy nhiên, phần đọc hiểu về cảm nhận một bộ phim có trong giáo trình chỉ có độ dài khoảng 600 chữ, nên hãy yêu cầu học viên tự viết phần cảm nhận có độ dài tương tự (600 chữ). Thang đo “できた” (Đạt được rồi) bậc số 2 sẽ thông tin bổ sung cho nhiệm vụ lần này. Một bài viết

đạt đủ 3 yếu tố a,b,c sẽ được đánh giá là đạt cấp độ (2) của “できた”. Bài viết được đánh giá cấp độ (1) “Thấp hơn” khi các yếu tố a,b,c giống với cột “もう少し” (Thêm một chút nữa thôi), và đạt cấp độ (3) “Cao hơn” khi các yếu tố a,b,c đều đạt mà trong đó có vài yếu tố tiếp cận với trình độ của cột “素晴らしい” (Rất tuyệt vời). Với cột “素晴らしい” sẽ chỉ có cấp độ (2) là cao nhất mà không có cấp độ (3). Nhìn chung, thang đo của Rubric được chia làm 4 mức độ tổng quát và 11 cấp độ chi tiết.

	Cố gắng lên nhé			Thêm một chút nữa thôi			Đạt được rồi!			Tuyệt vời	
	がんばって			もう少し			できた			素晴らしい	
	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2
<b>タスク達成</b> Đánh giá tổng thể Mức độ hoàn thành nhiệm vụ	Có thể viết được văn đơn giản nhưng không phù hợp với câu nội dung của nhiệm vụ được yêu cầu.			Có thể viết được theo nội dung nhiệm vụ được yêu cầu tuy nhiên thông tin không đầy đủ, các ý trong bài sắp xếp không tốt.			Có khả năng viết các câu văn có tính liên kết các thông tin cần thiết, đưa được kinh nghiệm và nhận xét cụ thể liên quan đến nội dung nhiệm vụ được yêu cầu vào trong bài.			Có khả năng viết câu văn có tính liên kết, chứa đựng thông tin chi tiết và kinh nghiệm cụ thể, đưa ra nhận xét dễ hiểu về nội dung của nhiệm vụ được yêu cầu.	
	Sắp xếp abc			Sắp xếp abc			Sắp xếp abc			Sắp xếp abc	
	2			2			2			2	
	a. Không có tiêu đề, hoặc tiêu đề không truyền tải được điều muốn nói b. Phân giải thích nội dung quá ngắn hoặc thiếu tóm tắt c. Không đủ số lượng chữ viết, dưới 400 chữ			a. Tiêu đề không truyền tải được nội dung muốn nói b. Phân giải thích nội dung quá ngắn hoặc thiếu tóm tắt c. Không đủ chữ, khoảng 400~500 chữ			a. Có tiêu đề truyền tải được điều muốn nói b. Có tóm tắt và phân nội dung dễ hiểu (về điểm tốt/điểm chưa tốt và điểm mà mình thích) c. Khoảng 500~600 chữ			a. Tiêu đề hấp dẫn b. Có nội dung, tóm tắt tốt c. Khoảng 500~600 chữ	
	Cố gắng lên nhé がんばって			Thêm một chút nữa thôi もう少し			Đạt được rồi! できた			Tuyệt vời 素晴らしい	
Kết cấu bài viết	構成										
Ngữ pháp, từ vựng, chữ cái (Kana và Hán tự)	文法・語彙・表記 (仮名遣いや漢字)										
	Cố gắng lên nhé			Thêm một chút nữa thôi			Đạt được rồi!			Tuyệt vời	
	がんばって			もう少し			できた			素晴らしい	
Đọc hiểu	読み手意識										

Nhận thức về người đọc



Tương tự, điền nội dung cho mỗi cột “がんばって” (Cố gắng lên nhé) / “もう少し” (Thêm một chút nữa thôi) / “すばらしい” (Tuyệt vời). Phần đánh giá phân tích sẽ được giữ nguyên giống như Rubric ở ví dụ ban đầu.

	Cố gắng lên nhé			Thêm một chút nữa thôi			Đạt được rồi!			Tuyệt vời	
	がんばって			もう少し			できた			すばらしい	
	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2
	Có thể viết được văn đơn giản nhưng không phù hợp với câu nội dung của nhiệm vụ được yêu cầu.			Có thể viết được theo nội dung nhiệm vụ được yêu cầu tuy nhiên thông tin không đầy đủ, các ý trong bài sắp xếp không tốt.			Có khả năng viết các câu văn có tính liên kết các thông tin cần thiết, đưa được kinh nghiệm và nhận xét cụ thể liên quan đến nội dung nhiệm vụ được yêu cầu vào trong bài.			Có khả năng viết câu văn có tính liên kết, chứa đựng thông tin chi tiết và kinh nghiệm cụ thể, đưa ra nhận xét dễ hiểu về nội dung của nhiệm vụ được yêu cầu.	
タスク 達成	Sắp xếp abc 2			Sắp xếp abc 2			Sắp xếp abc 2			Sắp xếp abc 2	
Đánh giá tổng thể	a. Không có tiêu đề, hoặc tiêu đề không truyền tải được điều muốn nói			a. Tiêu đề không truyền tải được nội dung muốn nói			a. Có tiêu đề truyền tải được điều muốn nói			a. Tiêu đề hấp dẫn	
Mức độ hoàn thành nhiệm vụ	b. Phần giải thích nội dung quá ngắn hoặc thiếu tóm tắt			b. Phần giải thích nội dung quá ngắn hoặc thiếu tóm tắt			b. Có tóm tắt và phần nội dung dễ hiểu (về điểm tốt/điểm chưa tốt và điểm mà mình thích)			b. Có nội dung, tóm tắt tốt	
	c. Không đủ số lượng chữ viết, dưới 400 chữ			c. Không đủ chữ, khoảng 400~500 chữ			c. Khoảng 500~600 chữ			c. Khoảng 500~600 chữ	
	Cố gắng lên nhé がんばって			Thêm một chút nữa thôi もう少し			Đạt được rồi! できた			Tuyệt vời すばらしい	
Kết cấu bài viết	Kết cấu rời rạc, thiếu kết nối, triển khai ý và tính liên kết giữa các câu văn không tốt.			Một số ý khó hiểu và tính liên kết giữa các câu văn chưa tốt.			Triển khai ý và tính liên kết giữa các câu văn được điều chỉnh tốt, kết cấu bài tương đối dễ hiểu.			Kết cấu bài viết rõ ràng giúp người đọc hiểu được các ý và sự liên kết giữa các câu trong bài.	
Ngữ pháp, từ vựng, chữ cái (Kana và Hán tự)	Cố gắng lên nhé Cố gắng lên nhé			Thêm một chút nữa thôi Thêm một chút nữa thôi			Đạt được rồi! Đạt được rồi!			Tuyệt vời Tuyệt vời	
	Cố gắng lên nhé			Thêm một chút nữa thôi			Đạt được rồi!			Tuyệt vời	
読み手意識											

Nhận thức về người đọc

Cuối cùng, thêm nội dung vào phần “Nhận thức về người đọc”. Phần này không có trong ví dụ nên giáo viên có thể tự thêm tiêu chuẩn đánh giá của riêng mình. Như đã được nhắc đến trước đó, nhận thức về người đọc đề cập đến hai điểm: (a) “bài viết khiến người đọc cảm thấy đồng cảm” và (b) “bài viết thể hiện được niềm đam mê của người viết về bộ phim mà qua đó người đọc cảm thấy bộ phim này vô cùng đáng xem”. Hãy chia làm ba thang đo: nếu bài viết thể hiện được “cảm thấy đồng cảm” và “có động lực xem phim”, giáo viên đánh giá “nhận thức về người đọc” ở mức “**できた**” (Đạt được rồi!). Nếu thiếu một trong hai yếu tố trên, bài viết được đánh giá “**もう少し**” (Thêm một chút nữa thôi); và nếu cả hai yếu tố đều không đạt được, hãy đánh giá bài ở mức độ “**がんばって**” (Cố gắng lên nhé). Do “Nhận thức về người đọc” chỉ cần thỏa mãn hai yếu tố (a) và (b) và không còn yếu tố nào khác nên nội dung này chỉ có 3 thang đo với mức cao nhất là “**できた**” chứ không có mức “**素晴らしい**” (Tuyệt vời).

	Cố gắng lên nhé	Thêm một chút nữa thôi	Đạt được rồi!
	がんばって	もう少し	できた
読み手意識 Nhận thức về người đọc	(a) Bài viết khiến người đọc cảm thấy đồng cảm. (b) Bài viết thể hiện được niềm đam mê của người viết về bộ phim mà qua đó người đọc cảm thấy bộ phim này vô cùng đáng xem. Không cảm nhận được yếu tố (a) và (b)	(a) Bài viết khiến người đọc cảm thấy đồng cảm. (b) Bài viết thể hiện được niềm đam mê của người viết về bộ phim mà qua đó người đọc cảm thấy bộ phim này vô cùng đáng xem. Có một trong hai yếu tố (a) và (b)	(a) Bài viết khiến người đọc cảm thấy đồng cảm. (b) Bài viết thể hiện được niềm đam mê của người viết về bộ phim mà qua đó người đọc cảm thấy bộ phim này vô cùng đáng xem.  Có đủ hai yếu tố (a) và (b)

### 3. Kiểm tra tổng thể

Khi hoàn thành Rubric, các Quý thầy cô có thể nhờ đồng nghiệp hoặc người quen kiểm tra tổng thể nội dung của bảng đánh giá này xem có phần tiêu chuẩn đánh giá nào khó hiểu không, các thang đo đã đều và công bằng chưa. Đây là bước cuối để hoàn thiện Rubric.

	Cố gắng lên nhé がんばって	Thêm một chút nữa thôi もう少し	Đạt được rồi! できた	Tuyệt vời すばらしい	
	1 2 3	1 2 3	1 2 3	1 2	
	Có thể viết được văn đơn giản nhưng không phù hợp với câu nội dung của nhiệm vụ được yêu cầu.	Có thể viết được theo nội dung nhiệm vụ được yêu cầu tuy nhiên thông tin không đầy đủ, các ý trong bài sắp xếp không tốt.	Có khả năng viết các câu văn có tính liên kết các thông tin cần thiết, đưa được kinh nghiệm và nhận xét cụ thể liên quan đến nội dung nhiệm vụ được yêu cầu vào trong bài.	Có khả năng viết câu văn có tính liên kết, chứa đựng thông tin chi tiết và kinh nghiệm cụ thể, đưa ra nhận xét dễ hiểu về nội dung của nhiệm vụ được yêu cầu.	
タスク 達成	Sắp xếp abc 2	Sắp xếp abc 2	Sắp xếp abc 2	Sắp xếp abc 2	
Đánh giá tổng thể	a. Không có tiêu đề, hoặc tiêu đề không truyền tải được điều muốn nói	a. Tiêu đề không truyền tải được nội dung muốn nói	a. Có tiêu đề truyền tải được điều muốn nói	a. Tiêu đề hấp dẫn	
Mức độ hoàn thành nhiệm vụ	b. Phân giải thích nội dung quá ngắn hoặc thiếu tóm tắt c. Không đủ số lượng chữ viết, dưới 400 chữ	b. Phân giải thích nội dung quá ngắn hoặc thiếu tóm tắt c. Không đủ chữ, khoảng 400~500 chữ	b. Có tóm tắt và phân nội dung dễ hiểu (về điểm tốt/điểm chưa tốt và điểm mà mình thích) c. Khoảng 500~600 chữ	b. Có nội dung, tóm tắt tốt c. Khoảng 500~600 chữ	
	Cố gắng lên nhé がんばって	Thêm một chút nữa thôi もう少し	Đạt được rồi! できた	Tuyệt vời すばらしい	
Kết cấu bài viết	構成	Kết cấu rời rạc, thiếu kết nối, triển khai ý và tính liên kết giữa các câu văn không tốt.	Một số ý khó hiểu và tính liên kết giữa các câu văn chưa tốt.	Triển khai ý và tính liên kết giữa các câu văn được điều chỉnh tốt, kết cấu bài tương đối dễ hiểu.	Kết cấu bài viết rõ ràng giúp người đọc hiểu được các ý và sự liên kết giữa các câu trong bài.
Ngữ pháp, từ vựng, chữ cái (Kana và Hán tự)	文法・語彙・ 表記 (仮名遣い や漢字)	Có nhiều lỗi ngữ pháp, từ vựng, kí hiệu; nội dung khó hiểu.	Có một số phần khó hiểu do lỗi ngữ pháp, từ vựng, kí hiệu.	Có một số lỗi ngữ pháp, từ vựng, kí hiệu nhưng vẫn hiểu được nội dung bài viết.	Gần như không có lỗi ngữ pháp, từ vựng, kí hiệu.
	Cố gắng lên nhé がんばって	Thêm một chút nữa thôi もう少し	できた Đạt được rồi!		
Nhận thức về người đọc	読み手意識	(a) Bài viết khiến người đọc cảm thấy đồng cảm. (b) Bài viết thể hiện được niềm đam mê của người viết về bộ phim mà qua đó người đọc cảm thấy bộ phim này vô cùng đáng xem. Không cảm nhận được yếu tố (a) và (b)	(a) Bài viết khiến người đọc cảm thấy đồng cảm. (b) Bài viết thể hiện được niềm đam mê của người viết về bộ phim mà qua đó người đọc cảm thấy bộ phim này vô cùng đáng xem. Có một trong hai yếu tố (a) và (b)	(a) Bài viết khiến người đọc cảm thấy đồng cảm. (b) Bài viết thể hiện được niềm đam mê của người viết về bộ phim mà qua đó người đọc cảm thấy bộ phim này vô cùng đáng xem. Có đủ hai yếu tố (a) và (b)	

### Bản hoàn thành của Rubric về “Viết cảm nghĩ về phim”

## Sử dụng Rubric

Sử dụng Rubric để đánh giá về các bài viết cảm nghĩ về một bộ phim. Khi đánh giá, không đưa tên học viên vào bài đánh giá để đảm bảo tính công bằng. Đầu tiên, hãy xác nhận các tiêu chuẩn đánh giá trong cột “できた” (Đạt được rồi!). Bài viết đạt tiêu chuẩn nào thì hãy đánh dấu tròn ○ hoặc dấu đã check✓ vào tiêu chuẩn đó. Nếu bài viết được đánh giá chưa đạt các tiêu chuẩn đánh giá trong cột “できた”, hãy xem các tiêu chuẩn của cột bên trái “がんばって” (Cố gắng lên nhé) hoặc “もう少し” (Thêm một chút nữa thôi); nếu bài viết được đánh giá vượt quá tiêu chuẩn đánh giá trong cột “できた”, hãy xem các tiêu chuẩn của cột bên phải “素晴らしい”(Tuyệt vời). Khi không đưa ra được phán đoán về thang đo, hoặc khi không rõ bài viết nên được xếp vào cấp độ (1) “Thấp hơn”, (2) “Đủ”, (3) “Cao hơn”, ba yếu tố a,b,c trong hàng “Đánh giá tổng thể” sẽ rất hữu ích. Ví dụ, cho dù tổng thể cả bài viết được đánh giá ở mức độ “できた”, những có vài yếu tố chi tiết chưa đủ cho mức độ này thì hãy xem qua cột “もう少し”. Nếu có 1 yếu tố của bài viết được tính vào cột này, hãy đánh giá ở “できた” cấp độ (1) “Thấp hơn”. Ngược lại, khi cảm thấy bài viết rất tốt, hãy xem qua cột “素晴らしい”. Nếu có 1 yếu tố của bài viết được tính vào cột này, hãy đánh giá ở “できた” cấp độ (3) “Cao hơn”.

Để tăng độ tin cậy, hãy nhờ hai giáo viên khác trở lên cùng đánh giá bài viết của học viên, hoặc ít nhất nhờ một giáo viên thực hiện việc này. Sau đó so sánh các nội dung đánh giá của giáo viên và điều chỉnh sự khác biệt nhằm thống nhất được bản đánh giá cuối cùng. Khi kết thúc việc đánh giá, hãy chấm bài viết của học viên vào 4 thang đo (với 11 cấp độ) của phần “Đánh giá tổng thể” và kiểm tra xem có yếu tố nào có sự khác biệt quá lớn giữa đánh giá của các giáo viên với nhau hay không. Kí sự này giới thiệu phương pháp đánh giá từ giáo viên, nhưng ngoài cách này ra, các Quý thầy cô cũng có thể sử dụng Rubric cho học viên. Học viên có thể tự đánh giá các bài cảm nhận về một bộ phim của mình hoặc đánh giá chéo các bài viết của những bạn học khác.

## Kết thúc

Kí sự lần này đã đưa ra ví dụ về việc điều chỉnh lại một nội dung có sẵn về Rubric trong [Website Marugoto](#). Sau khi đã quen thuộc với cách làm Rubric, các Quý thầy cô có thể tự sáng tạo Rubric của riêng mình qua việc sử dụng [website Minna no Can-do](#) và tham khảo tập 2 "[Sách hướng dẫn sử dụng Tiêu chuẩn giáo dục tiếng Nhật của JF \(Bản mới\)](#)". Dưới đây là hai Rubric được tác giả của kí sự lần này tạo ra để Quý thầy cô tham khảo. Tiếp theo đó, hãy thử thách bản thân bằng việc tự tạo ra Rubric của mình nhé!

### Ví dụ 1

Mục tiêu	Sau khi đọc bài báo về một người lo lắng rằng công việc của họ sẽ bị tước đoạt bởi AI trong tương lai, hãy phản hồi lại người này bằng việc chia sẻ trải nghiệm và cảm nhận của mình rồi đưa ra phương hướng giải quyết mà mình cho là tốt nhất ở thời điểm hiện tại. (Tiêu chuẩn giáo dục tiếng Nhật JF trình độ B2)
Đối tượng học viên	Giáo viên tiếng Nhật người nước ngoài (ngôn ngữ mẹ đẻ đa dạng)
Số lượng học viên	Khoảng 10 người
Chủ đề	Khoa học kỹ thuật (AI & con người)
Lưu ý	Cố gắng viết theo cách khiến người nhận phản hồi cảm thấy dễ chịu hơn sau khi đọc câu trả lời của bạn. Ví dụ: “Không tự áp đặt suy nghĩ cá nhân”, “Không giấu cợt người đang đợi được tư vấn”, “Không làm đối phương thất vọng”

### Rubric ví dụ 1

Mục tiêu



	Cố gắng lên! 1	Thêm một chút nữa thôi! 2	Đạt được rồi! 3
Nội dung	(1) Thể hiện được cảm xúc và trải nghiệm cá nhân (2) Có thể bày tỏ suy nghĩ và đưa ra giải pháp tốt nhất ở thời điểm hiện tại (B2)		
	Chỉ có (1) hoặc (2). (5 điểm)		Có cả (1) và (2). (10 điểm)
Từ vựng	<u>Có vốn từ vựng cơ bản</u> nhưng mắc lỗi dùng từ lớn khi thể hiện suy nghĩ phức tạp về các chủ đề hay các tình huống lạ. (B1) (3 điểm)	<u>Cách dùng từ tương đối chính xác</u> , tuy nhiên vẫn có lỗi chọn từ có thể gây khó hiểu cho <u>độc giả</u> . (5 điểm)	Cách dùng từ chính xác. Vẫn có lỗi chọn từ nhưng về cơ bản không ảnh hưởng đến phạm vi giao tiếp. (10 điểm)
Ngữ pháp	<u>Có nhiều lỗi ngữ pháp cơ bản</u> ; người đọc phải phán đoán về nội dung truyền đạt. (Dưới cấp độ B1.2) (0 điểm)	Có lỗi ngữ pháp nhưng vẫn hiểu được nội dung cần truyền đạt. (B1.2) (5 điểm)	Có thể thấy năng lực viết văn bản tương đối cao. Không phát hiện các lỗi sai ảnh hưởng đến nội dung bài. (B2.1) (10 điểm)
Năng lực bàn luận	Có thể diễn đạt điều muốn truyền đạt một cách đơn giản và trực tiếp. (3 điểm)	Có thể đưa được nội dung chi tiết và cụ thể phần (1) hoặc (2) vào bài viết để nhấn mạnh điều mình muốn nói; có thể mắc những lỗi dễ hiểu. (5 điểm)	Có thể đưa được nội dung chi tiết và cụ thể cả phần (1) và (2) vào bài viết để nhấn mạnh điều mình muốn nói; có thể mắc những lỗi dễ hiểu. (10 điểm)

## Ví dụ 2

Mục tiêu	Có thể viết một bức thư gửi cho người Nhật đã từng quan tâm đến mình, kể về tình hình gần đây của bản thân một cách chi tiết với họ. (Tiêu chuẩn giáo dục tiếng Nhật JF trình độ B1)
Đối tượng học viên	Giáo viên tiếng Nhật người nước ngoài (tiếng mẹ đẻ đa dạng)
Số lượng học viên	Khoảng 10 người
Chủ đề	Mối quan hệ giữa người với người (viết thư kể về tình hình hiện tại)
Lưu ý	Viết thư dọc kiểu Nhật

## Rubric ví dụ 2

Thang đo		Cố gắng lên! 1	Thêm một chút nữa thôi! 2	Đạt được rồi! 3	Tuyệt vời! 4
Quan điểm đánh giá					
Nội dung – Hoạt động		Không viết được thư gửi người quen nói về tình hình gần đây của bản thân.	Có thể viết được thư gửi người quen nói về tình hình gần đây của bản thân với dạng câu văn ngắn đơn giản.	Viết được thư gửi người quen nói về tình hình gần đây của bản thân với nội dung chi tiết. (B1)	Viết được thư gửi người quen nói về tình hình gần đây của bản thân với nội dung chi tiết.
Năng lực câu tạo ngôn ngữ	Từ vựng, ngữ pháp, diễn đạt	Có thể sử dụng một số cấu trúc câu cơ bản và từ vựng hay các cụm từ muốn ghi nhớ. (A2.1) Không sử dụng đúng cấu trúc ngữ pháp đơn giản.	Mặc dù vẫn thường phải thỏa hiệp trong việc sử dụng từ vựng để biểu đạt ý kiến của bản thân trong bài viết, nhưng học viên đã có lượng từ vựng cơ bản để diễn đạt những tình huống cơ bản hàng ngày có thể đoán trước được. (A2) Có thể sử dụng đúng một số cấu trúc ngữ pháp đơn giản nhưng vẫn mắc lỗi ngữ pháp cơ bản. (A2)	Có đủ vốn từ vựng và cách diễn đạt để diễn tả điều muốn nói về hầu hết các chủ đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, dù cách diễn đạt hơi gián tiếp. (B1) Có thể sử dụng hầu hết các cấu trúc ngữ pháp tiêu chuẩn một cách chính xác, mặc dù thỉnh thoảng vẫn mắc lỗi.	Có đủ vốn từ vựng và cách diễn đạt để diễn tả điều mình muốn nói về hầu hết các chủ đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày. Có thể sử dụng chính xác các cấu trúc ngữ pháp đơn giản.
	Chính tả	Nhiều lỗi chính tả, chấm câu và bố cục khiến người đọc bối rối. Đã sử dụng các hán tự đã được học trong bài nhưng vẫn viết sai hoặc thiếu nét. Hoặc chưa sử dụng được các hán tự đã học.	Vẫn còn lỗi chính tả, chấm câu và bố cục khiến người đọc bối rối. Đã sử dụng các hán tự đã được học trong bài nhưng viết sai một vài hán tự hoặc thiếu nét.	Chính tả, chấm câu và bố cục đủ chính xác để không gây bối rối cho người đọc. (B1) Sử dụng các hán tự đã được học trong bài viết và viết đúng hầu hết các hán tự và đủ nét.	Không có lỗi chính tả, chấm câu và bố cục bài chính xác. Sử dụng các hán tự đã được học trong bài viết, không có lỗi sai về hán tự.
Năng lực ngôn ngữ xã hội		Có vấn đề trong việc phân biệt giữa thể lịch sự, thể thường và ngôn ngữ nói, gây ra sự khó chịu cho người đọc.	Có một vài vấn đề trong việc phân biệt giữa thể lịch sự, thể thường và ngôn ngữ nói, có thể gây ra sự khó chịu cho người đọc.	Có thể phân biệt sử dụng thể lịch sự, thể thường, ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết ở mức độ nhất định không gây ra sự khó chịu cho người đọc.	Có thể phân biệt sử dụng thể lịch sự, thể thường, ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết tốt.
Năng lực sử dụng ngôn ngữ	Tính nhất quán và tính gắn kết	Kết nối các ý trong bài bằng những từ nối đơn giản như ”そして” “và”, ”しかし” “nhưng”, ”だから” “do đó” (A2.1)	Dù chỉ có thể nói các phần đơn giản và sắp xếp ý nhưng đã có thể sử dụng cách diễn đạt liên kết thường gặp nhất để miêu tả sự vật hoặc bổ sung thêm ý. (A2.2)	Có thể kết nối và chỉ ra trực tiếp các ý bằng việc sử dụng đa dạng nhiều yếu tố đơn giản và ngắn gọn (B1).	

## Lưu ý:

1. "Rubric" được gọi là "Bảng đánh giá" (評価シート) trong "[Sách hướng dẫn sử dụng Tiêu chuẩn giáo dục tiếng Nhật của JF \(Bản mới\)](#)".

## Tham khảo

Danelle Stevens, Antonia Levy (2014) “Nhập môn đánh giá Rubric dành cho giáo viên đại học” (Giám sát dịch thuật: Hiroaki Sato; Phụ trách dịch thuật: Toshinori Inoue và Hidenori Matano) Nhà xuất bản Đại học Tamagawa

(OSHIO Kazumi / Chuyên gia giáo dục tiếng Nhật thuộc Trung tâm Nhật ngữ quốc tế)

\*\*\*\*\*

Bản gốc (Tiếng Nhật): Trang web của Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản

日本語教育通信 授業のヒント 作文の評価にルーブリックを使ってみませんか

Tin tức giáo dục tiếng Nhật Gợi ý bài giảng

Hãy thử sử dụng phương pháp Rubric trong việc đánh giá bài viết của học viên nhé! (đăng tải vào tháng 6 năm 2024)

<https://www.jpf.go.jp/j/project/japanese/teach/tsushin/hint/202406.html>